

V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- ## 2. Ông Vũ Trung Kiên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Ngọc Lữ, Thư ký Tòa án nhân dân
quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 532/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Đăng Q, năm sinh 1993; Địa chỉ: Số 413 đường C, Phường Y, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tổng Trần N, năm sinh 1995; Địa chỉ: Số 02 đường số 17, khu phố 6, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy ủy quyền ngày 24/12/2019 (có mặt).

2. Bị đơn:

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại P; Trụ sở: Số 387 đường K, Phường L, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Đ, năm sinh 1959;
Chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Ngọc Đ, năm sinh 1959; Địa chỉ: Số 387 đường K, Phường L, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đăng Q và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Tổng Trần N trình bày: Ngày 16-11-2018, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại P (viết tắt Công ty P) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (viết tắt Ngân hàng) có ký kết hợp đồng tín dụng số 053.02/2018/5955538/HĐTD nội dung cụ thể như sau: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền là 7.420.400.000 đồng, tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử đất tại thửa đất số 834, tờ bản đồ số 26 (SĐN) tọa lạc tại số 32/1 ấp Đông, xã A, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở vào sổ cấp GCN: 442/2002 do Ủy ban nhân dân huyện F cấp ngày 02-8-2002 cho ông Nguyễn Văn R và bà Lê Thị X và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 834, 835, 39 tờ bản đồ số 01, 29 tọa lạc tại xã A, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phát hành N169208 vào sổ giấy chứng nhận 1479/99/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện F cấp ngày 02-12-1998 cho ông Võ Đăng Q (viết tắt ông Q) đứng ra để bảo đảm cho khoản vay của Công ty P. Ngày 17-01-2019, Công ty P và Ngân hàng ký tiếp hợp đồng tín dụng số 053.04/2018/5955538/HĐTD, nội dung cụ thể Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền 2.586.192.000 đồng. Việc vay nợ bằng tín chấp này thì không được sự đồng ý của ông Q. Tổng số tiền mà Công ty P vay của Ngân hàng là 10.296.592.000 đồng.

Do Công ty P không có khả năng trả nợ nên ông Q đã trả nợ thay cho Công ty P. Ngày 24-6-2019 ông Q và Công ty P lập giấy vay tiền, theo đó Công ty P xác nhận còn nợ ông Q số tiền là 10.296.592.000 đồng và đã trả được 7.900.000.000 đồng bằng tài sản của Công ty P. Số nợ còn lại là 2.396.592.000 đồng, Công ty P sẽ trả nợ trong thời hạn 60 ngày. Ngày 25-6-2019, ông Q và Công ty P có lập văn bản cam kết trả nợ với nội dung: Trong trường hợp Công ty P chấm dứt hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật hoặc không còn khả năng trả nợ hoặc trả nợ không đủ, không đúng hạn thì ông Q sẽ dùng tài sản cá nhân trả cho ông Q. Do đã hết thời hạn cam kết nhưng Công ty P và ông Q không trả nợ nên ông Q khởi kiện yêu cầu Công ty P và ông Q có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 2.396.592.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm được tính từ ngày 26-8-2019 đến ngày Tòa án xét xử.

Bị đơn Công ty P và ông Q vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đồng thời không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa;

Ông Tổng Trần N, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định số tiền mà Công ty P còn nợ của ông Q là 2.396.592.000 đồng. Căn cứ văn bản cam kết việc trả nợ do hai bên lập ngày 25-6-2019 thì Công ty P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cá nhân ông Q phải trả nợ thay. Do đó, ông N xác định chỉ yêu cầu buộc ông Q phải chịu trách nhiệm trả số tiền 2.396.592.000 đồng cho ông Q và tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm (tương đương 0.83%/tháng) từ ngày 26-8-

2019 đến ngày 19-6-2020 là 194.238.488 đồng và trả một lần sau khi bản án có hiệu lực. Đồng thời xác định rút lại yêu cầu, không buộc Công ty P phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Q.

Bị đơn Công ty P và ông Nguyễn Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty P còn nợ của ông Q số tiền 2.396.592.000 đồng. Ngày 25-6-2019, ông Đ cam kết trường hợp Công ty P chấm dứt hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, vi phạm nghĩa vụ trả nợ, trả nợ không đầy đủ thì ông Đ sẽ dùng tài sản cá nhân trả nợ thay cho Công ty P. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu ông Đ có trách nhiệm trả nợ cho ông Q, không yêu cầu Công ty P trả nợ. Vì Công ty P đã vi phạm cam kết nên nghĩa vụ trả nợ được chuyển giao cho ông Đ. Ngoài ra, ông Q yêu cầu ông Đ phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 26-8-2019 đến ngày Tòa án xét xử là 194.238.448 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Công ty P và ông Đ vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ giấy vay tiền ngày 24-6-2019 thể hiện Công ty P có vay của ông Võ Đăng Q số tiền là 2.396.592.000 đồng. Ngày 25-6-2019, Công ty Nông P và ông Q có ký văn bản cam kết về việc trả nợ trong đó có nội dung: “Trong trường hợp bên A Công ty TNHH Thương mại P chấm dứt hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật (tạm ngừng kinh doanh, phá sản, giải thể...) hoặc không còn khả năng trả trả nợ, trả nợ không đầy đủ, đúng hạn thì ông Nguyễn Ngọc Đ - Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH P cam kết bằng tài sản cá nhân sẽ thanh toán đầy đủ cho bên ông Võ Đăng Q số tiền 2.396.592.000 đồng. Thời hạn trả nợ 60 ngày (kể cả thứ bảy và chủ nhật, ngày lễ), tính từ ngày 25-6-2019. Hạn thanh toán là ngày 25-8-2019.....”. Do Công ty Nông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ và căn cứ văn bản mà Công ty P do ông Đ là người đại diện theo pháp luật ký có nội dung nêu trên thì nghĩa vụ trả nợ của Công ty P đã được chuyển giao cho ông

Đ nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0301419926 được đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 06-9-2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thể hiện Công ty P có trụ sở tại số 387 đường K, Phường L, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời theo kết quả xác minh của Công an Phường L, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Ngọc Đ, năm sinh 1959 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 387 đường K, Phường L, quận V nhưng thực tế không cư trú tại địa chỉ trên, hiện đi đâu không rõ. Xét thấy bị đơn Công ty P có trụ sở và ông Nguyễn Ngọc Đ có nơi cư trú tại quận V. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Công ty P và ông Nguyễn Ngọc Đ là bị đơn trong vụ án không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Công ty P và ông Nguyễn Ngọc Đ.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét tại giấy vay tiền ngày 24-6-2019 và giấy cam kết trả nợ ngày 25-6-2019 giữa Công ty P và ông Võ Đăng Q thể hiện tại thời điểm giao kết các chủ thể có đầy đủ năng lực pháp luật, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật và về hình thức, nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 116, Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu ông Đ trả tiền nợ gốc là 2.396.592.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình thu thập chứng cứ, ông Q yêu cầu Công ty P và ông Đ trả số tiền là 2.396.592.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của ông Q rút lại yêu cầu khởi kiện đối với Công ty P và chỉ yêu cầu ông Đ phải có nghĩa vụ trả tiền cho ông Q. Yêu cầu của người đại diện nguyên đơn là phù hợp với nội dung giấy cam kết trả nợ và văn bản cam kết về việc trả nợ giữa ông Q và Công ty P cùng ngày 25-6-2019, trong đó có nội dung: “Trong trường hợp bên A Công ty TNHH Thương mại P chấm dứt hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật (tạm ngừng kinh doanh, phá sản, giải thể...) hoặc không còn khả năng trả trả nợ, trả nợ không đầy đủ, đúng hạn thì ông Nguyễn Ngọc Đ - Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại P cam kết bằng tài sản cá nhân sẽ thanh toán đầy đủ cho ông Võ Đăng Q số tiền 2.396.592.000 đồng. Thời hạn trả nợ 60 ngày (kể cả thứ bảy và chủ nhật, ngày lễ), tính từ ngày 25-6-2019. Hạn thanh toán là ngày 25-8-2019.....”. Như vậy, theo thỏa thuận trên thì Công ty P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nghĩa vụ trả nợ mặc nhiên đã được chuyển giao cho

ông Đ. Ông Q khởi kiện yêu cầu ông Đ phải có trách nhiệm trả số tiền 2.396.592.000 đồng là phù hợp theo quy định tại các Điều 274, 275, 278 và 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.3] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Căn cứ vào văn bản cam kết việc trả nợ ngày 25-6-2019 giữa ông Q và Công ty P thì hai bên thỏa thuận trường hợp Công ty P thanh toán nợ không đúng hạn thì phải trả tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ theo mức lãi suất là 10%/năm. Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thỏa thuận về tiền lãi giữa các bên là phù hợp, ông Q yêu cầu ông Đ trả tiền lãi là 194.238.488 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.4] Xét ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Q yêu cầu ông Đ trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên chấp nhận.

[2.5] Ông Q khởi kiện yêu cầu Công ty P và ông Đ trả nợ. Tại phiên tòa, ông Q rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty P, chỉ yêu cầu ông Đ trả nợ cho ông Q. Xét yêu cầu của ông Q là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc Công ty P trả nợ.

[2.6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Q được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Q được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 71, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 278, 280, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đăng Q.

1.1. Buộc ông Nguyễn Ngọc Đ có trách nhiệm trả cho ông Võ Đăng Q số tiền là 2.590.830.488 (Hai tỷ năm trăm chín mươi triệu tám trăm ba mươi nghìn

bốn trăm tám mươi tám) đồng, trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc là 2.396.592.000 (Hai tỷ ba trăm chín mươi sáu triệu năm trăm chín mươi hai nghìn) đồng và tiền lãi 194.238.448 (Một trăm chín mươi bốn triệu hai trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi tám) đồng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại P có trách nhiệm trả nợ của ông Võ Đăng Q.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 83.816.620 (Tám mươi ba triệu tám trăm mười sáu nghìn sáu trăm hai mươi) đồng.

3.2. Hoàn trả lại cho ông Võ Đăng Q số tiền 40.565.068 (Bốn mươi triệu năm sáu mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi tám) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0039527 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Võ Đăng Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại P và ông Nguyễn Ngọc Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được Tòa án niêm yết hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Tuấn Nhu